

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 24-7-2023

“V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Bà Lê Thị Sắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Xuân V, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh A (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện H, tỉnh A (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; Địa Chỉ: Khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh A. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Xuân V trình bày:

Vào ngày 24/7/2004, ông Võ Văn H có làm biên nhận vay của bà số tiền 50.000.000 đồng hẹn 01 tháng sau sẽ trả, vào ngày 13/6/2005 bà Nguyễn Thị Đ có gửi trả số tiền 20.000.000 đồng tiền vay cho ông H, còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Ông H cho rằng chỉ vay dùm bà Đ, bà Đ đã rời khỏi địa phương bà không biết địa chỉ hiện nay đang ở đâu nên bà khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn H là người vay tiền và viết biên nhận phải trả tiền cho bà. Tại phiên tòa, ông H

yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng áp dụng thời hiệu khởi kiện nên bà thay đổi yêu cầu không tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà tranh chấp đòi tài sản yêu cầu ông H phải trả lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 13/6/2005 đến ngày 13/6/2008 (03 năm kể từ ngày trả số tiền 20.000.000 đồng).

Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

Vào ngày 24/7/2004, ông có hỏi vay của bà V số tiền 50.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Đ vì bà V không tin tưởng bà Đ nên bà Vui yêu cầu ông ký biên nhận vay tiền thì bà V mới cho bà Đ vay, việc giao tiền mặt bà Đ nhận ông chỉ có trách nhiệm ký biên nhận tiền, thỏa thuận miệng việc trả lãi và do hai bên trực tiếp giao nhận tiền giữa bà V và bà Đ đến nay ông không biết bà Đ đã thanh toán hết cho bà V chưa, hiện nay bà Đ đã rời khỏi địa phương ông không biết địa chỉ hiện nay đang ở đâu, thời gian từ khi vay đến nay đã gần 20 năm nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng áp dụng thời hiệu khởi kiện về việc bà V yêu cầu ông trả lại số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất trong thời gian 03 năm kể từ ngày 13/6/2005.

Nay ông không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của bà V vì việc vay tiền này là giữa bà Đ với bà V, bà Đ có trả hết nợ cho bà V chưa thì ông không biết, đồng thời ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của bà V.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được, do ông H và bà Đ vắng mặt.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V: Yêu cầu ông Võ Văn H phải trả cho bà số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: Căn cứ vào “giấy hỏi tiền ngày 24/7/2004” có chữ ký của ông H thể hiện ông H có vay của bà V số tiền 50.000.000 đồng và bà V thừa nhận thông qua bà Đ thì ông H có trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, buộc ông H phải trả cho bà V số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 13/6/2005 đến ngày 13/6/2008 của bà V là không có cơ sở chấp nhận vì đã hết thời hiệu, thời điểm phát sinh tranh chấp là 13/6/2005 nhưng đến năm 2022 đã hơn 17 năm bà V mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện của hợp đồng (thời hiệu khởi kiện 02 năm) nên không chấp nhận yêu cầu lãi suất của bà V theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án dân nhân tối cao.

Đối với ý kiến của ông H: Ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án ra Bản án, quyết định là có căn cứ nhưng tại phiên tòa bà V thay đổi yêu cầu

khởi kiện là tranh chấp đòi tài sản nên không tính yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông H không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận vì: Căn cứ vào “giấy hỏi tiền ngày 24/7/2004” có chữ ký của ông H thể hiện ông H có vay của bà V số tiền 50.000.000 đồng và bà V thừa nhận thông qua bà Đ thì ông H có trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng, ông H còn nợ bà V 30.000.000 đồng nên không chấp nhận yêu cầu của ông H.

Đối với bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án giải quyết vắng mặt bà Đ là phù hợp khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Đòi tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Võ Văn H cư trú tại ấp 5, xã B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà Đ vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà V xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện từ hợp đồng vay tài sản thành đòi tài sản. Xét thấy, việc bà V xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà V yêu cầu ông Võ Văn H phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 13/6/2005 đến ngày 13/6/2008.

3. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Khi cho bà Đ vay, bà V không tin tưởng rằng khả năng trả nợ của bà Đ, nên có yêu cầu bà Đ có người bảo lãnh trả nợ, thì bà giải quyết cho bà Đ vay, bà Đ nhờ ông H ký giấy nhận tiền, ông H đồng ý, hiện nay bà Đ đã đi khỏi địa phương không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, nên bà V khởi kiện ông H có trách nhiệm trả lại tài sản là có căn cứ.

[3.2] Căn cứ “giấy hỏi tiền ngày 24/7/2004” có ghi ông H ký nhận 50.000.000 đồng và bà Đ có ghi trả 20.000.000 đồng, đồng thời ông H cũng thừa nhận chữ ký trong giấy biên nhận là của ông nên không cần chứng minh, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà V về số tiền vay còn lại là 30.000.000 đồng.

[3.3] Đối với ông H cho rằng không có mặt bà Đ nên ông không biết bà Đ đã thanh toán hết nợ cho bà V chưa, nên ông không đồng ý trả nợ cho bà V. Trách

nhiệm của ông làm biên nhận để bà Đ nhận tiền cho nên ông phải có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc bà Đ trả tiền cho bà V, bà Đ không trả tiền nên bà V yêu cầu ông trả, vì vậy ông phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà V.

[3.4] Đối với số tiền lãi trong 03 năm theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 13/6/2005 đến ngày 13/6/2008 mà bà V yêu cầu ông H phải trả cho bà, xét về thực tế thời điểm cho vay tiền số tiền 30.000.000 đồng là đồng tiền có giá trị so với thời điểm hiện nay vì đồng tiền bị lạm phát không còn đúng giá trị ban đầu nên yêu cầu bà V cần được cân nhắc, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể trong bộ luật dân sự về vấn đề này, hơn nữa đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản, những gì các đương sự giao, nhận cho nhau thì có quyền yêu cầu nhận lại. Nên việc yêu cầu tính lãi suất của bà V là chưa phù hợp.

[3.5] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông H là có cơ sở, nhưng do nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện “đòi tài sản” nên không xem xét ban hành quyết định đình chỉ theo Điều 217 Bộ luật dân sự.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Võ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bà V yêu cầu được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

Bà Trịnh Thị Xuân V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, nhưng bà V là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 280, 357, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Xuân V đối với ông Võ Văn H về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Ông Võ Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Xuân V số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Võ Văn H phải chịu 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị Xuân V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *Các Đ/s;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Thành